

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 4 năm 2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Nhớ** và ông **Nguyễn Thế Quyết**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Yên Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Ông **Lê Nguyễn Lương** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông C, sinh năm: 1964; địa chỉ: Số K36/27 đường T, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* *Bị đơn:* Bà H, sinh năm 1958; nơi cư trú cuối cùng: Số K76H5/3 đường T tổ 17, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, trong biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là ông C trình bày:**

Tôi và bà H kết hôn năm 1996, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp nên vào năm 2008, bà H đã bỏ nhà đi khỏi địa phương. Từ đó cho đến nay tôi không có tin tức gì của bà H. Vào năm 2018, tôi đã làm thủ tục yêu cầu Tòa án tuyên bố bà H mất tích và Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã ban hành Quyết định số 15/2018/QĐST-VDS ngày 22.11.2018 tuyên bố bà H mất tích. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng

không còn, hạnh phúc gia đình không có nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn bà H.

* Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định không có.

Bà H không có mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có ý kiến trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho ông C ly hôn với bà H. Các vấn đề khác không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa ông C và bà H là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn quận Thanh Khê nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung vụ án: Ông C và bà H kết hôn năm 1996, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng, đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông C, bà H đã phát sinh mâu thuẫn và chung sống được 12 năm thì bà H đã bỏ nhà đi từ đó cho đến nay không có tin tức gì. Mặc dù ông C đã làm các thủ tục thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng để tìm kiếm bà H về giải quyết việc tuyên bố mất tích nhưng vẫn không có tin tức của bà H đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng của ông C, bà H thực sự đã phát sinh mâu thuẫn và đã trầm trọng kéo dài. Trên thực tế, từ năm 2008, ông C và bà H đã chấm dứt quan hệ vợ chồng và mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C về việc ly hôn với bà H là hoàn toàn phù hợp.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung, ông C xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông C phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C về việc “Ly hôn” đối với bà H.

Xử:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông C được ly hôn với bà H.

* Về con chung, tài sản chung và về nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông C phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông C đã nộp theo biên lai số 4447 ngày 04.01.2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ông C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THSDS Q. Thanh Khê;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Cường